

HỘI XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH  
NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV LÊN  
HẠNG III ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN  
TỈNH BẮC GIANG NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2018

Số: 1758 /KH-HĐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG	
Số: 2191	.....
<b>ĐẾN</b> Ngày: 05/6/2018	.....
Chuyên: .....	.....
Lưu hồ sơ số: .....	.....

**KẾ HOẠCH**

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 29/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:** Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 nhằm mục đích sau:

a) Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của giáo viên và cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học trong các cơ sở giáo dục.

b) Xuất phát từ vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp giáo viên để lựa chọn phân công những giáo viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ đào tạo bồi dưỡng, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp.

c) Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên tại các trường mầm non, tiểu học công lập trong tỉnh.

d) Nhằm động viên, khuyến khích giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho hệ thống các cơ sở giáo dục trong việc bố trí giáo viên đúng vị trí công việc, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do nhà nước quy định.

đ) Khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng được việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục phù hợp với quy định hiện hành về công tác quản lý giáo viên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

e) Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên đã được cử đi đào tạo nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt được đảm nhận công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, đảm bảo quyền, lợi ích của giáo viên, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục.

**2. Yêu cầu:** Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm được các yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương quy định tiêu chuẩn, nghiệp vụ các chức danh nghề nghiệp của giáo viên.

b) Việc cử giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương.

c) Giáo viên được tham dự xét thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

d) Giáo viên dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

đ) Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Đối tượng**

Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 bao gồm: Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục), hiện đang xếp hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09; giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06.

*Lưu ý: Không thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đối với giáo viên trong thời gian tập sự, thử việc.*

## **2. Tiêu chuẩn, điều kiện**

Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp giáo viên ở hạng đăng ký dự xét và được Hiệu trưởng nhà trường có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thành phố cử tham gia xét thăng hạng.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

c) Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập và Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.

d) Giáo viên tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III trong năm 2018 chưa yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự xét gần nhất tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

## **3. Số lượng đăng ký thăng hạng**

Xác định số lượng (chỉ tiêu) viên chức đủ điều kiện cử đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Chủ tịch UBND huyện, thành phố căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ và Đề án vị trí việc làm của đơn vị để xác định số lượng viên chức đăng ký dự xét các chức danh nghề nghiệp. Năm 2018 tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với 02 (hai) chức danh nghề nghiệp giáo viên sau:

a) Giáo viên mầm non hạng III, mã số: V.07.02.05

b) Giáo viên Tiểu học hạng III, mã số: V.07.03.08

## **4. Hồ sơ và lệ phí thăng hạng**

4.1. Hồ sơ: Mỗi giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2018 phải làm 02 hồ sơ, mỗi hồ sơ phải xếp theo đúng thứ tự như sau:

a) Thành phần hồ sơ theo điều kiện, tiêu chuẩn hạng

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.
- Bản sơ yếu lý lịch của giáo viên theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường.

- Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên của Hiệu trưởng nhà trường đối với giáo viên và Phó hiệu trưởng thuộc thẩm quyền quản lý; của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo đối với Hiệu trưởng (kết quả nhận xét, đánh giá trong thời gian công tác 03 năm liên tục: 2015, 2016, 2017 và đến nay).

- Bản sao Quyết định lương hiện hưởng giáo viên gần nhất;
- Quyết định phân công công việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

b) Thành phần hồ sơ tính điểm:

*- Tiêu chuẩn khả năng thực hiện các nhiệm vụ*

Bản nhận xét của đại diện Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng dự xét.

*- Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng*

Phải có đầy đủ bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học;
- + Chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp;
- + Chứng chỉ tin học văn phòng theo yêu cầu của chức danh nghề;
- + Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên của hạng dự xét (nếu có).

*- Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

+ Biên bản ghi ý kiến của đại diện Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như: các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung theo quy định của hạng dự xét;

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

+ Bản sao Quyết định tuyển dụng giáo viên; bản sao Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên.

c) Thành phần hồ sơ cộng điểm tăng thêm: Bản sao có chứng thực các thành tích theo tiêu chuẩn được cộng điểm tăng thêm (nếu có) quy định tại điểm b) mục 5.2 của Kế hoạch này.

## 4.2. Lệ phí

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu: 200.000 đồng/người (Hai trăm nghìn đồng chẵn/01 người).

## 5. Nội dung, cách tính điểm xét thăng hạng

### 5.1. Nội dung

Giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2018 phải thực hiện nội dung, hình thức sau: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên giáo viên hạng III thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

### 5.2. Cách tính điểm

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

a) Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

- Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;
- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;
- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;
- Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Điểm tăng thêm tổng số là 05 điểm, cụ thể như sau:

+ Cộng thêm 1 điểm (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng) đối với người có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng;

+ Cộng thêm 4 điểm (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ), mỗi nội dung sau được cộng thêm 1 điểm:

- Có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên;
- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng;
- Giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức);
- Giáo viên có học sinh đoạt giải trong các kỳ thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế.

c) Đối với những trường hợp giáo viên được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học và chưa có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

trong năm 2018 vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

d) Giáo viên có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31/12/2018 được miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học; trường hợp có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

*Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ và tin học theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp được thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.*

## **6. Xác định người được thăng hạng và thông báo kết quả**

6.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phải đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

b) Tổng số điểm xét thăng hạng (quy định tại điểm 5.2 Kế hoạch này) phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt điểm tối thiểu, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về khả năng thực hiện nhiệm vụ: 5 điểm;
- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;
- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

6.2. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

6.3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

## **7. Thời gian thực hiện**

7.1. Ban hành Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018, thông báo công khai Kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang điện tử Sở Nội vụ và gửi về UBND huyện, thành phố: Từ ngày 01/6/2018 đến hết ngày 04/6/2018.

7.2. Hội đồng sơ tuyển huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn Hiệu trưởng các trường thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại nhà trường và nhận hồ sơ, lệ phí: Thời gian thực hiện từ ngày 04/6/2018 đến hết ngày 19/6/2018 (*hồ sơ không bán, thí sinh làm hồ sơ theo hướng dẫn trong Kế hoạch này*).

Hội đồng sơ tuyển huyện, thành phố thực hiện sơ tuyển từ ngày 20/6/2018 đến hết ngày 01/7/2018.

7.3. Chủ tịch UBND huyện, thành phố có văn bản đề nghị và nộp hồ sơ thăng hạng, danh sách giáo viên đăng ký dự xét về Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng) ngày 02/7/2018 đến hết ngày 04/7/2018.

7.4. Hội đồng báo cáo kết quả xét thăng hạng giáo viên và thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương giáo viên khi trúng tuyển kỳ xét thăng hạng theo quy định.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018. Người phát ngôn của Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng - Giám đốc Sở Nội vụ. Hội đồng công khai Kế hoạch, danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét, lịch xét thăng hạng, kết quả xét thăng hạng trên trang điện tử của Sở Nội vụ, địa chỉ: <http://sonoivu.bacgiang.gov.vn>; Cổng thông tin điện tử tỉnh, địa chỉ: <http://www.bacgiang.gov.vn>.

2. Hội đồng xét thăng hạng thành lập Ban giúp việc, Ban thẩm định kết quả chấm hồ sơ xét thăng hạng theo quy định.

3. Hội đồng giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng) theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch thăng hạng giáo viên năm 2018. Trường hợp các cơ quan, đơn vị triển khai thăng hạng không đúng quy định như: Tiếp nhận người không đúng đối tượng, không đủ điều kiện; thời gian thực hiện không đúng quy định; sắp xếp hồ sơ không đúng theo thứ tự; chấm điểm không chính xác hoặc có sai phạm khác trong quá trình xét thăng hạng, thì phải chịu trách nhiệm.

4. Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng sơ tuyển xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên năm 2018.

- Hội đồng sơ tuyển có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;

+ Các ủy viên Hội đồng: Lãnh đạo Thanh tra huyện, thành phố; lãnh đạo, chuyên viên Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Nhiệm vụ của Hội đồng sơ tuyển huyện, thành phố:

+ Thông báo Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 đến các cơ sở giáo dục trực thuộc;

+ Xác định số lượng (chỉ tiêu) giáo viên cử đăng ký dự xét thực hiện đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ và Đề án vị trí việc làm của cơ sở giáo dục để xác định số lượng giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng các chức danh nghề nghiệp;

+ Tiếp nhận hồ sơ giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 do Hiệu trưởng các trường học gửi đến; lập danh sách thí sinh đủ điều kiện kèm theo hồ sơ (theo mẫu) gửi Hội đồng xét thăng hạng của tỉnh (thông qua Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Hội đồng) theo đúng thời gian quy định;

+ Thành lập bộ phận chấm điểm xét thăng hạng theo thang điểm quy định;

+ Thu lệ phí xét thăng hạng của thí sinh đăng ký dự xét và nộp 50% lệ phí về Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018.

+ Phải chịu trách nhiệm về tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn của giáo viên được đề nghị thăng hạng và phải trực tiếp, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về giáo viên của cơ sở giáo dục đề nghị thăng hạng. Khi cơ quan quản lý Nhà nước về giáo viên kiểm tra phát hiện những trường hợp sơ tuyển và đề nghị thăng hạng không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện và trái thẩm quyền sẽ đề nghị cấp có thẩm quyền hủy quyết định đã ban hành.

b) Quyết định thăng hạng từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên đạt kết quả trong đợt xét thăng hạng năm 2018 theo danh sách công nhận của Chủ tịch UBND tỉnh và văn bản hướng dẫn cụ thể của Sở Nội vụ.

5. Giáo viên khi khai và nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên năm 2018 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ của mình; tự chấm điểm vào phiếu điểm theo thang điểm quy định.

Trong thời gian thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị UBND huyện, thành phố và các cơ sở giáo dục liên hệ với Sở Nội vụ (qua Phòng Công chức Viên chức) số điện thoại: 0204 3554 908) để được hướng dẫn./

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (03b);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Nội vụ, phòng GD-ĐT huyện, thành phố;
- Thành viên Hội đồng tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- TT Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CCVC.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**PHÒNG CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Lê Ánh Dương**

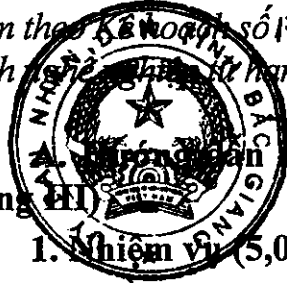


## PHỤ LỤC

### HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 1758/KH-HĐ ngày 01/6/2018 của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018)

**Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên tiểu học**  
(Hạng III)



#### 1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

#### 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của

Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm).

### **3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)**

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học (10 điểm);

Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học (20 điểm);

Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học (10 điểm);

Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

## **B. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên mầm non (Hạng III)**

### **1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)**

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (2 điểm);

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm).

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

## **2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)**

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

## **3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)**

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm)/.

---